

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HS-ST
Ngày: 20-8-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Văn Đăng
2. Ông Lê Văn Tám

-Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12-Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12-Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2025/TLST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-HS ngày 04/8/2025, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Trọng N (tên gọi khác: Không); sinh ngày 01/3/1978 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); Nơi cư trú: 3 N, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là 3/5 N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu); Nghề nghiệp: phụ hồ; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Hoàng M (đã chết), Con bà: Phạm Thị L (đã chết); Bị cáo sống chung như vợ chồng với Nguyễn Thị Nhã P, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, Tiền sự: Không.

Nhân thân:

Tại bản án số 55/2017/HSST ngày 13/4/2017 của Tòa án nhân dân TP . Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11, TP . Hồ Chí Minh) tuyên phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Bị bắt tạm giam từ ngày 12/02/2025, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Bà Rịa, Trại tạm giam số 1 công an Thành phố H (có mặt).

2. Lê Văn M1 (tên gọi khác: Không); sinh ngày 01/01/1981 tại tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp); Hộ khẩu thường trú: ấp B, xã H, tỉnh Đồng Tháp

(trước đây là ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang); chỗ ở: Tổ H, ấp P, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Tổ 8, ấp P, xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu). Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam ;Con ông: Lê Văn Đ, Con bà: Lê Thị Bé T (đã chết); Bị cáo sống chung như vợ chồng không đăng ký kết hôn với bà Lê Thị Thu V có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2003; hiện đang sống chung như vợ chồng với Võ Hoàng O, sinh năm: 1981. Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 12/02/2025, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Bà Rịa, Trại tạm giam số 1 công an Thành phố H (có mặt).

3. Lê Hoàng D(tên gọi khác: Không), sinh ngày 07/10/2001 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 60/20 N, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là 60/20 N, khu phố B, phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh); chỗ ở: Tổ H, ấp P, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Tổ 8, ấp P, xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu); Nghề nghiệp: không ;Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn M1, Con bà: Lê Thị Thu V; Bị cáo có vợ Nguyễn Thị Ngọc T1 (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2020. Tiền án, Tiền sự: Không.Bị bắt tạm giam từ ngày 12/02/2025, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Bà Rịa, Trại tạm giam số 1 công an Thành phố H (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Trọng B, sinh năm 1995

HKTT: Tổ 8, ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

Địa chỉ: khu phố T, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1994

Địa chỉ: Hẻm B đường N, Tổ A, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 ngày 09/02/2025, Nguyễn Trọng N rủ Lê Văn M1, Nguyễn Trọng B, sinh năm: 1995, địa chỉ: Khu phố T, xã Đ, TP . và Nguyễn Xuân H, sinh năm 1994, địa chỉ: hẻm B, đường N, tổ A, phường L, TP . đến nhà trọ của N thuộc phòng trọ số 3, tổ F, ấp P, phường L, TP . Hồ Chí Minh để nhậu. Khi đi, M1 chở Lê Hoàng D (con ruột của M1) và cháu nội đến. Trong lúc nhậu, N nói với M1 mua ma túy đá về sử dụng thì M1 đồng ý và nói để M1 gọi “cá Thiều” xem có không. Do điện thoại của M1 hết tiền nên M1 lấy điện thoại của D gọi điện thoại cho “cá Thiều” qua số điện thoại 0937036329 để mua ma túy nhưng người đầu dây bên kia nói không có bán ma túy rồi cúp máy. Khoảng hơn

một tiếng sau “cá Thiều” gọi lại số của D, D đưa cho M1 để nói chuyện thì được “cá Thiều” trả lời “Tôi chia cho ông miếng chứ tôi không có đâu”, M1 đồng ý và “cá Thiều” chỉ địa điểm cho M1 đến lấy ở đường đất ngoài ruộng gần cầu máy nước hướng đi ra L. Lúc này, N góp 150.000 đồng, M1 góp 50.000 rồi đưa cho D chạy đến đường đất ngoài ruộng gần cầu máy nước hướng đi ra L chờ sẽ có người đến giao ma túy. D lấy xe máy của M1 đi đến điểm đã hẹn, khoảng 10 phút sau có một người phụ nữ (không rõ nhân thân, lai lịch) đi xe máy tới kêu D đưa tiền và người phụ nữ đó quăng gói ma túy được quấn băng keo đen trước đầu xe của D. Sau khi có ma túy, D chạy về lại phòng trọ đưa cho N số ma túy vừa mua được. N đi vào lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy cất trong tủ quần áo rồi đi vào nhà vệ sinh, bỏ ma túy đá vào “nỏ” và đốt lửa lên. N hút trước sau đó lần lượt M1, H, B, D đi vào hút rồi tiếp tục ngồi nhậu. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, M1 chở cháu nội về, còn D ngồi lại nhậu tiếp. Khoảng 18 giờ cùng ngày, ông Nguyễn Trọng T2 là bạn của N ghé chơi và cùng vào ngồi nhậu chung. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày thì lực lượng Công an xã T, thành phố B (nay là phường L, TP . Hồ Chí Minh) kiểm tra phát hiện.

- Tang vật thu giữ gồm: 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm 01 ống thủy tinh trong suốt được cắm vào 01 (một) chai nhựa có nắp màu vàng và 01 (một) ống nhựa màu đen cắm vào nắp chai; 01 (một) gói nylon N khai nhận là ma túy đã sử dụng hết; 01 ĐTDĐ kiểu máy iphone SE, số máy MP7T2LL/A, số sê – ri DX4VFC5QHTVK của D dùng để liên lạc mua ma túy; 01 ĐTDĐ hiệu Nokia, màu đen, imeil: 357730108316648, imel 2: 357730109316647 của D dùng để sử dụng cá nhân.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Hoàng D tại tổ H, ấp P, xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường L, TP . Hồ Chí Minh) không thu giữ gì thêm.

Qua xét nghiệm nhanh chất ma túy, kết quả Nguyễn Trọng N, Lê Văn M1, Lê Hoàng D, Nguyễn Xuân H, Nguyễn Trọng B dương tính với ma túy, loại Methamphetamine. Nguyễn Trọng T2 kết quả âm tính với các chất ma túy.

Qua xét nghiệm ma túy Nguyễn Trọng N, Lê Văn M1, Lê Hoàng D, Nguyễn Trọng B, Nguyễn Xuân H dương tính với chất ma túy dạng Methamphetamine.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

- 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm 01 ống thủy tinh trong suốt được cắm vào 01 (một) chai nhựa có nắp màu vàng và 01 ống nhựa màu đen cắm vào nắp chai;

+ 01 gói nylon bên trong không chứa gì;

+ 01 Điện thoại di động kiểu máy iphone SE, số máy MP7T2LL/A, số sê – ri DX4VFC5QHTVK;

+ 01 Điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, imeil: 357730108316648, imel 2: 357730109316647.

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12-Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định chuyển vật chứng trên đến Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12-Thị hành án dân sự thành phố H bảo quản, chờ xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 116/CT-VKSKV12 ngày 08/07/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12-Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Nguyễn Trọng N, Lê Văn M1, Lê Hoàng D về tội “Tổ chức sử dụng phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12-Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện quyền công tố trình bày lời luận tội đã phân tích, đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của các bị cáo gây ra; phân tích nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng N, Lê Văn M1, Lê Hoàng D về tội “Tổ chức sử dụng phép chất ma túy”.

Về hình phạt chính:

Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 255; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 xử phạt Nguyễn Trọng N với mức án tù 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù.

Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 255; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 xử phạt Lê Văn M1 với mức án tù 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 255; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 xử phạt Lê Hoàng D với mức án tù 07 năm đến 08 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Xét Nguyễn Trọng N, Lê Văn M1, Lê Hoàng D là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng:

- Cần tịch thu tiêu hủy 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đã gồm 01 ống thủy tinh trong suốt được cắm vào 01 (một) chai nhựa có nắp màu vàng và 01 ống nhựa màu đen cắm vào nắp chai; 01 gói nylon bên trong không có gì;

- Cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với 01 ĐTDĐ kiểu máy iphone SE, số máy MP7T2LL/A, số sê – ri DX4VFC5QHTVK. 01 ĐTDĐ hiệu Nokia, màu đen, imeil: 357730108316648, imel 2: 357730109316647 là những công cụ, phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội;

Về vấn đề khác:

Đối với người phụ nữ tên thường gọi “cá Thiều” sử dụng số điện thoại 0937036329, qua xác minh Trần Thị Mộng T3, sinh năm 1994, HKTT: ấp P, xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường L, TP . Hồ Chí Minh) là người sử dụng số điện thoại trên. Tuy nhiên, T3 không thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy, tiến hành nhận dạng, đối chất giữa M1 và T3, D và T3 thì M1 và D không xác định được người bán ma túy, T3 không thừa nhận hành vi phạm tội nên không đủ cơ sở để xử lý Trần Thị Mộng T3.

Đối với Nguyễn Trọng B, Nguyễn Xuân H không có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố B (nay là Cơ quan CSĐT Công an T) không truy cứu trách nhiệm hình sự mà xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với Nguyễn Trọng T2 không liên quan đến việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên không có cơ sở xử lý.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Trọng N, Lê Văn M1, Lê Hoàng D khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố và không có ý kiến gì về bản luận tội của Kiểm sát viên;

Bị cáo Nguyễn Trọng N, Lê Văn M1, Lê Hoàng D nói lời sau cùng xin được Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng: Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Trong quá trình điều tra, truy tố; Cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện kiểm sát, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, các tài liệu, chứng cứ được thu thập đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi cũng như quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh và điều luật áp dụng:

Lời khai nhận tội tại phiên tòa của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, từ đó đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 22 giờ ngày 09/02/2025, tại phòng trọ số 03 của N, thuộc tổ F, ấp P, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Trọng N, Lê Văn M1 thoán thuận cùng nhau góp tiền đưa cho Lê Hoàng D đi mua ma túy về tổ chức sử

dụng trái phép, khi D mua ma túy về thì N bỏ ma túy vào bộ dụng cụ cùng M1, D, B và H sử dụng hết. Sau đó, bị Công an xã T, thành phố B (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) kiểm tra phát hiện.

Do đó, hành vi của Nguyễn Trọng N, Lê Văn M1, Lê Hoàng D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Như vậy, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12-Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

[3.1]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[3.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3.3]. Về nhân thân: Bị cáo Lê Văn M1, Lê Hoàng D có nhân thân tốt.

Bị cáo Nguyễn Trọng N có nhân thân xấu, từng bị xử phạt về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” bị cáo không lấy đó làm bài học, tránh xa ma túy mà vẫn phạm tội. Do đó cần xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

[4]. Về mức hình phạt: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quy định của nhà nước về quản lý độc quyền chất gây nghiện, gây mất trật tự an toàn xã hội, làm nguy cơ phát sinh nhiều tội phạm khác. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Các bị cáo là công dân đã trưởng thành, ý thức được hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng để thỏa mãn nhu cầu sử dụng trái phép chất ma túy của bản thân và lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy bị cáo cùng thực hiện tội phạm nhưng không có phân công vai trò cụ thể nên chỉ được xem là đồng phạm giản đơn trong vụ án.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thì thấy, bị cáo Nghĩa là người khởi xướng việc mua ma túy về sử dụng, bị cáo góp 150.000 đồng (trong tổng số tiền 200.000 đồng) và chuẩn bị dụng cụ để cho các bị cáo còn lại sử dụng ma túy. Do đó, đối với bị cáo N sẽ có mức hình phạt cao hơn so với các bị cáo khác. Đồng thời xét hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Đối với Lê Văn M1, khi được N rủ sử dụng ma túy thì đồng ý và góp số tiền 50.000 đồng để mua ma túy, bị cáo là người liên hệ mua ma túy và giao cho bị cáo D đi lấy ma túy. Do đó, đối với bị cáo M1 sẽ có mức án thấp hơn so với bị cáo N nhưng phải cao hơn bị cáo D. Đồng thời xét hành vi của bị cáo là rất

nguy hiểm cho xã hội nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Đối với Lê Hoàng D mặc dù bị cáo không góp tiền mua ma túy, nhưng bị cáo là người trực tiếp đi lấy ma túy về để cho các bị cáo cùng sử dụng ma túy. Do đó, đối với bị cáo D cần xem xét mức hình phạt phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung.

[6]. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm 01 ống thủy tinh trong suốt được cắm vào 01 (một) chai nhựa có nắp màu vàng và 01 ống nhựa màu đen cắm vào nắp chai; 01 (một) gói nylon bên trong không có gì;

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với 01 điện thoại di động kiểu máy iphone SE, số máy MP7T2LL/A, số sê – ri DX4VFC5QHTVK, Imel: 356603080622724 của Lê Hoàng D do sử dụng vào hành vi phạm tội.

Trả lại cho bị cáo Lê Hoàng D 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, imeil: 357730108316648, imel 2: 357730109316647, do không liên quan đến hành vi phạm tội.

[7]. Về các vấn đề khác:

Đối với người phụ nữ tên thường gọi “cá Thiều” sử dụng số điện thoại 0937036329, qua xác minh Trần Thị Mộng T3, sinh năm 1994, HKTT: ấp P, xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường L, TP . Hồ Chí Minh) là người sử dụng số điện thoại trên. Tuy nhiên, T3 không thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy, tiến hành nhận dạng, đối chất giữa M1 và T3, D và T3 thì M1 và D không xác định được người bán ma túy, T3 không thừa nhận hành vi phạm tội nên không đủ cơ sở để xử lý Trần Thị Mộng T3.

Đối với Nguyễn Trọng B, Nguyễn Xuân H không có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố B (nay là Cơ quan CSĐT Công an T) không truy cứu trách nhiệm hình sự mà xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với Nguyễn Trọng T2 không liên quan đến việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên không có cơ sở xử lý.

[8]. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Trọng N, Lê Văn M1, Lê Hoàng D phải chịu án phí Hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Nguyễn Trọng N, Lê Văn M1, Lê Hoàng D phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

1. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 255; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Xử phạt Nguyễn Trọng N **09** (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12 tháng 02 năm 2025.

2. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 255; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Xử phạt Lê Văn M1 **08** (tám) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12 tháng 02 năm 2025.

3. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 255; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Xử phạt Lê Hoàng D **07** (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12 tháng 02 năm 2025.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) gói nylon bên trong không có gì, 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm : 01 ống thủy tinh (nỏ), 01 chai nhựa có nắp màu vàng và 01 ống nhựa màu đen, đã cũ.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imel: 356603080622724, đã cũ, hiện tại không hoạt động được, không kiểm tra máy móc bên trong;

- Trả lại cho bị cáo Lê Hoàng D 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số Imel: 357730108316648, đã cũ, hiện tại không hoạt động được, không kiểm tra máy móc bên trong.

(Toàn bộ vật chứng hiện đang lưu giữ tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 23/BB-PTHADS (12) ngày 08 tháng 8 năm 2025)

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Trọng N, Lê Văn M1, Lê Hoàng D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

Nơi nhận:

- TAND TP. TP Hồ Chí Minh;;
- VKSND TP. TP Hồ Chí Minh;;
- PV 06, PC 10- CA TP TP Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 12-TP Hồ Chí Minh;
- PTHA dân sự KV12- TP Hồ Chí Minh;
- Bị cáo; NCQLNVLQ;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Bảo Ngọc